



CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU XẠ AN PHÚ

AN PHU IRRADIATION JOINT – STOCK COMPANY

Địa chỉ: KP 1B, P. An Phú, TX. Thuận An, T. Bình Dương

Điện thoại: +84 (650) 3712292 Fax: +84 (650) 3712293

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

QUÝ I NĂM 2012

CÔNG TY CỔ PHẦN CHIỀU XẠ AN PHÚ

Khu phố 1B, phường An Phú, Thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2012

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		39,709,423,393	54,266,543,260
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	VI.1	5,640,278,887	4,786,037,445
Tiền	111		5,640,278,887	4,786,037,445
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		30,416,318,639	45,838,470,426
1. Phải thu khách hàng	131	VI.2	22,922,111,360	19,430,806,676
2. Trả trước cho người bán	132	VI.3	5,086,156,499	23,881,653,194
4. Các khoản phải thu khác	135	VI.4	2,408,050,780	2,526,010,556
IV. Hàng tồn kho	140		373,257,262	1,046,390,369
Hàng tồn kho	141	VI.5	373,257,262	1,046,390,369
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3,279,568,605	2,595,645,020
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	VI.6	168,438,605	146,385,107
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1,053,782,873	537,928,932
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		-	1,444,806
3. Tài sản ngắn hạn khác	158	VI.7	2,057,347,127	1,909,886,175
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		231,907,010,621	221,735,065,185
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		164,045,828,580	163,982,671,831
1. Tài sản cố định hữu hình	221	VI.8	131,398,611,362	131,072,354,614
Nguyên giá	222		173,827,913,757	170,116,084,848
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(42,429,302,395)	(39,043,730,234)
2. Tài sản cố định vô hình	227	VI.9	32,430,634,098	32,667,372,617
Nguyên giá	228		34,417,854,326	34,417,854,326
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1,987,220,228)	(1,750,481,709)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	VI.10	216,583,120	242,944,600
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		67,861,182,041	57,752,393,354
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	VI.11	67,560,441,664	57,452,605,981
2. Tài sản dài hạn khác	268		300,740,377	299,787,373
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		271,616,434,014	276,001,608,445

CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU XẠ AN PHÚ

Khu phố 1B, phường An Phú, Thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		115,312,711,684	121,064,726,588
I. Nợ ngắn hạn	310		47,307,483,878	53,058,072,782
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	VI.12	26,779,171,459	25,549,282,711
2. Phải trả người bán	312	VI.13	6,454,654,641	1,875,478,833
3. Người mua trả tiền trước	313		53,419,612	25,093,025
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	VI.14	4,003,048,951	3,082,621,646
5. Phải trả người lao động	315	VI.15	1,474,701,494	3,389,436,308
6. Chi phí phải trả	316	VI.16	6,476,496,064	15,712,754,381
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	VI.17	904,599,997	1,202,154,717
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323	VI.18	1,161,391,660	2,221,251,161
II. Nợ dài hạn	330		68,005,227,806	68,006,653,806
1. Vay và nợ dài hạn	334	VI.19	67,969,461,110	67,969,361,110
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	VI.20	35,766,696	37,292,696
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		156,303,722,330	154,936,881,857
I. Vốn chủ sở hữu	410	VI.21	156,303,722,330	154,936,881,857
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		114,480,000,000	114,480,000,000
2. Cổ phiếu quỹ	414		(74,000,000)	(74,000,000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		5,546,952,146	5,546,952,146
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		3,722,282,579	3,722,282,579
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		413,224	413,224
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		32,628,074,381	31,261,233,908
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		271,616,434,014	276,001,608,445

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		56,236.12	200,088.98



Bình Dương, ngày 12 tháng 05 năm 2012

Vương Đình Khoát - Tổng Giám đốc

Nguyễn Đắc Đoàn - Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU XẠ AN PHÚ

Khu phố IB, phường An Phú, Thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Quý 1 Năm 2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 1-2012	Quý 1-2011	Lũy kế năm nay	Lũy kế năm trước
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1		24,019,056,627	30,448,427,942	24,019,056,627	30,448,427,942
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	2		-	-	-	-
3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VII.1	24,019,056,627	30,448,427,942	24,019,056,627	30,448,427,942
4 Giá vốn hàng bán	11	VII.2	13,318,113,099	15,003,597,513	13,318,113,099	15,003,597,513
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		10,700,943,528	15,444,830,429	10,700,943,528	15,444,830,429
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VII.3	60,713,506	3,257,100,709	60,713,506	3,257,100,709
7 Chi phí tài chính	22	VII.4	3,252,049,386	28,282,800	3,252,049,386	28,282,800
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		3,176,602,385	-	3,176,602,385	-
8 Chi phí bán hàng	24		2,613,135,473	5,706,403,422	2,613,135,473	5,706,403,422
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		2,385,512,040	1,295,804,276	2,385,512,040	1,295,804,276
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		2,510,960,135	11,671,440,640	2,510,960,135	11,671,440,640
11 Thu nhập khác	31		9,492,842	4,500,000	9,492,842	4,500,000
12 Chi phí khác	32		70,476,115	-	70,476,115	-
13 Lợi nhuận khác	40		(60,983,273)	4,500,000	(60,983,273)	4,500,000
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2,449,976,862	11,675,940,640	2,449,976,862	11,675,940,640
15 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		972,136,390	1,652,570,077	972,136,390	1,652,570,077
16 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-	-	-
17 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		1,477,840,472	10,023,370,563	1,477,840,472	10,023,370,563
18 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	70		129	876	129	876



18 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp

18 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp

18 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp

18 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp

18 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp

18 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp

18 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp

18 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp

18 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp

18 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp

18 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp

18 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp

Nguyễn Đức Đoàn - Kế toán trưởng

Vương Đình Khoát - Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU XẠ AN PHÚ

Khu phố 1B, phường An Phú, Thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý 1 Năm 2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		2,449,976,863	37,453,536,341
Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định	02		3,622,310,680	9,069,848,570
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(51,682,253)	(360,886,778)
- Chi phí lãi vay	06		3,176,602,385	3,221,974,194
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		9,197,207,675	49,384,472,327
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		14,759,328,696	(11,121,299,925)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		673,133,107	(784,272,449)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		(7,873,840,042)	1,347,836,506
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(10,129,889,181)	(26,057,113,503)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(3,176,602,385)	(3,221,974,194)
- Thuế thu nhập đã nộp	14		-	(1,962,864,568)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(108,000,000)	(563,982,553)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		3,341,337,870	7,020,801,641
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
- Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(3,685,467,429)	(66,762,935,577)
- Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
- Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		51,682,253	360,886,778
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(3,633,785,176)	(66,402,048,799)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
- Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	(15,000,000)
- Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		12,481,988,748	94,552,784,992
- Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(11,332,300,000)	(12,980,973,202)
- Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(3,000,000)	(22,881,200,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		1,146,688,748	58,675,611,790
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		854,241,442	(705,635,368)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		4,786,037,445	5,491,672,813
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	VI.1	5,640,278,887	4,786,037,445

Bình Dương, ngày 12 tháng 05 năm 2012

Vương Đình Khoát - Tổng Giám đốc

Nguyễn Đắc Đoàn - Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU XẠ AN PHÚ

Khu phố 1B, phường An Phú, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 1 năm 2012

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc kèm với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 của Công ty Cổ Phần Chiếu xạ An Phú (gọi tắt là Công ty).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- 1. Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
- 2. Lĩnh vực kinh doanh** : Dịch vụ, thương mại
- 3. Ngành nghề kinh doanh** :
 - Chiếu xạ khử trùng các loại thủy hải sản, các loại dụng cụ y tế;
 - Dịch vụ bảo quản rau quả đông lạnh;
 - Dịch vụ bảo quản các loại thực phẩm;
 - Chiếu xạ bảo quản các loại sản phẩm công nghiệp và các sản phẩm tiêu dùng khác;
 - Mua bán thủy hải sản, các sản phẩm từ thịt, hàng nông sản các loại;
 - Đầu tư tài chính về cổ phiếu, cổ phần./.

4. Thông tin về Công ty con:

Tên Công ty: Công ty TNHH Một thành Viên An Phú – Bình Minh

Trụ sở Chính của Công ty: Lô C1 & C2 Khu Công nghiệp Bình Minh, ấp Mỹ Lợi, xã Mỹ Hòa, huyện Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long.

Vốn điều lệ hiện nay của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là **50.000.000.000 đồng**.

Số vốn Công ty Cổ phần chiếu xạ An Phú cam kết góp theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là **50.000.000.000 đồng**.

Đến thời điểm 31 tháng 03 năm 2012, Công ty Cổ phần chiếu xạ An Phú đang thực hiện chuyển tiền góp vốn vào Công ty con đồng thời đã thực hiện xong giai đoạn 1 đầu tư xây dựng Công trình nhà máy chiếu xạ An Phú Bình Minh (thuyết minh VI.10).

Ngành nghề kinh doanh:

- Chiếu xạ khử trùng các loại thủy hải sản, dụng cụ y tế;
- Chiếu xạ bảo quản các loại sản phẩm tiêu dùng khác;
- Dịch vụ bảo quản: rau quả đông lạnh, các loại thực phẩm;
- Mua bán thủy hải sản, các sản phẩm từ thịt, hàng nông sản các loại;
- Đầu tư tài chính về cổ phiếu, cổ phần.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHIỀU XẠ AN PHÚ

Khu phố 1B, phường An Phú, thị trấn Thuận An, tỉnh Bình Dương.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN:

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán và nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Đơn vị tiền tệ được sử dụng để lập Báo cáo là Đồng Việt Nam (VND);

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ trong năm được chuyển đổi sang Đồng Việt Nam theo tỷ giá tại ngày giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được xử lý theo hướng dẫn tại Thông tư số 161/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi lập Báo cáo: Ngày 31/12/2011: 20.828 VND/USD

Ngày 31/3/2012: 20.828 VND/USD

III. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 và Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Trưởng Bộ Tài Chính.

2. Hình thức sổ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

IV. TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VIỆT NAM

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập các Báo cáo tài chính.

V. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc. Các giao dịch nội bộ trong năm và số dư các bên liên quan đã được loại trừ trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi Ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU XẠ AN PHÚ

Khu phố 1B, phường An Phú, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

3. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Phương pháp hạch toán: kê khai thường xuyên.

Phương pháp đánh giá hàng tồn kho: Bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

5. Chi phí trả trước ngắn hạn

Công cụ, dụng cụ được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng, thời gian phân bổ không quá 12 tháng.

Các chi phí khác được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo thời gian sử dụng của từng chi phí

6. Tài sản cố định hữu hình và vô hình

Nguyên tắc đánh giá

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản được ghi nhận vào chi phí trong kỳ.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được ghi nhận vào doanh thu hay chi phí trong kỳ.

Phương pháp khấu hao áp dụng

TSCĐ khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định theo thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Trưởng Bộ Tài Chính.

Số năm khấu hao của các nhóm Tài sản cố định như sau:

<i><u>Nhóm tài sản</u></i>	<i><u>Số năm</u></i>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10-25
Máy móc thiết bị	06-10
Phương tiện vận tải	06-10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03-05
Quyền sử dụng đất có thời hạn	20-50

CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU XẠ AN PHÚ

Khu phố 1B, phường An Phú, thị trấn Thuận An, tỉnh Bình Dương.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

7. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí mua nguồn xạ dự trữ để xử lý chiếu xạ được phân bổ dần vào chi phí trong kỳ theo khối lượng tiêu hao thực tế.

Chi phí trước hoạt động của Công ty TNHH MTV An Phú Bình Minh được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng, thời gian phân bổ 36 tháng kể từ tháng 10 năm 2011.

Các chi phí khác được phân bổ vào chi phí theo đường thẳng, thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

8. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

9. Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

10. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hoá, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

Chi phí phải trả về đầu tư xây dựng Nhà máy Chiếu xạ An Phú Bình Minh dựa trên các Hợp đồng thi công và cung cấp thiết bị đã ký kết với các nhà thầu đến thời điểm lập Báo cáo tài chính chưa hoàn tất các thủ tục nghiệm thu thanh lý.

11. Nguồn vốn kinh doanh – quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty là vốn đầu tư của chủ sở hữu và được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ của Công ty.

12. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Hiện tại, Công ty mẹ đang được hưởng các ưu đãi về thuế TNDN như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU XẠ AN PHÚ

Khu phố 1B, phường An Phú, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trong 10 năm kể từ năm 2005 theo công văn số 2564/CT-TT&HT ngày 20/04/2006 của Cục thuế tỉnh Bình Dương.

Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 5 năm tiếp theo theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 2564/CT-TT&HT ngày 20/04/2006 của Cục thuế tỉnh Bình Dương.

Năm 2012 là năm thứ 1 Công ty bắt đầu không còn giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp, và chịu thuế suất 20%.

Công ty con An Phú Bình Minh nộp thuế TNDN theo thuế suất phổ thông.

13. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng:

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong năm.

Doanh thu cung cấp dịch vụ:

Doanh thu cung cấp dịch vụ: được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính:

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU XẠ AN PHÚ

Khu phố 1B, phường An Phú, thị trấn Thuận An, tỉnh Bình Dương.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

14. Nguyên tắc ghi nhận chi phí

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên nguyên tắc phù hợp với doanh thu trong kỳ.

15. Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.
- Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

16. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

17. Phương pháp lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Bảng cân đối kế toán hợp nhất được lập theo các bước sau:

- Hợp cộng các chỉ tiêu trong Bảng cân đối kế toán của Công ty mẹ và Công ty con trong Tập đoàn;
- Loại trừ giá trị ghi sổ khoản đầu tư của Công ty mẹ trong Công ty con và phần vốn của Công ty mẹ trong vốn chủ sở hữu của Công ty con và ghi nhận lợi thế thương mại;
- Phân bổ lợi thế thương mại;
- Tách lợi ích của cổ đông thiểu số;
- Loại trừ các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch trong nội bộ Tập đoàn đang nằm trong giá trị tài sản (như hàng tồn kho, tài sản cố định, ...);
- Loại trừ các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đang phản ánh trong giá trị tài sản như hàng tồn kho hoặc tài sản cố định khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được;
- Loại trừ số dư các khoản mục phải thu, phải trả trên Bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn;
- Điều chỉnh các khoản đầu tư của Công ty mẹ và Công ty con vào Công ty liên kết, liên doanh được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ.

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất được lập theo các bước sau:

- Hợp cộng các chỉ tiêu trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty mẹ và Công ty con trong Tập đoàn;
- Phân bổ lợi thế thương mại;
- Loại trừ doanh thu, giá vốn của hàng hoá, dịch vụ cung cấp giữa các đơn vị trong nội bộ Tập đoàn, lãi đi vay và thu nhập từ cho vay giữa các đơn vị trong nội bộ Tập đoàn, cô tức đã phân chia và đã ghi nhận trong nội bộ Tập đoàn;

CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU XẠ AN PHÚ

Khu phố 1B, phường An Phú, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

- Loại trừ các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch trong nội bộ Tập đoàn đang nằm trong giá trị tài sản (như hàng tồn kho, tài sản cố định, ...);
- Loại trừ các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đang phản ánh trong giá trị tài sản như hàng tồn kho hoặc tài sản cố định khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được;
- Xác định phần lãi hoặc lỗ của Công ty mẹ và Công ty con trong Công ty liên kết, liên doanh theo phương pháp vốn chủ;
- Xác định lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số;
- Xác định lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ.

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo các bước sau:

- Hợp cộng các chỉ tiêu trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ của Công ty mẹ và Công ty con trong Tập đoàn;
- Loại trừ dòng tiền nội bộ giữa các đơn vị trong nội bộ Tập đoàn.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
(a) Tiền mặt	1,766,695,611	563,482,497
– Tiền mặt VND	1,766,695,611	563,482,497
– Tiền mặt USD quy đổi sang VND	-	-
(b) Tiền gửi ngân hàng	3,873,583,276	3,727,554,948
– Tiền mặt VND	3,441,725,508	3,989,196,030
– Tiền mặt USD quy đổi sang VND	431,857,768	233,358,918
(c) Khoản tương đương tiền		495.000.000
Cộng tiền và các khoản tương đương tiền	5,640,278,887	4,786,037,445

2. Phải thu của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
– Khách hàng Việt Nam	18,726,297,745	16,105,576,774
– Khách hàng Nước ngoài	4,195,813,615	3,325,229,902
Cộng	22,922,111,360	19,430,806,676

CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU XẠ AN PHÚ

Khu phố 1B, phường An Phú, thị trấn Thuận An, tỉnh Bình Dương.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

3. Trả trước người bán

Công ty CP XD Cao Su đồng Nai	-	679,816,717
Công ty CP TV TM DV Địa ốc Hoàng Quân Mêkông	46,739,738	-
Công ty CP TV TK lập dự toán Phong Thái	740,220,600	-
Hungaroster co., Ltd	-	16,078,733,415
Cty TNHH TM DV Kỹ Thuật Mặt Trời	-	1,013,991,500
Công ty TNHH TM DV PCCC Thái Bình Thịnh	-	530,551,478
Cty TNHH Cơ điện lạnh Lê Quốc	-	292,122,705
Công ty TNHH TM & SX Tân Phương Phát	353,326	1,066,870,786
Cty TNHH XD Nhà thép Liên Việt	1,742,150,000	1,642,050,000
Công ty TNHH Việt Phúc Hưng	400,000,000	100,000,000
Công ty TNHH TVXD Trần Nguyễn	1,107,300,000	1,007,300,000
Công ty CP Tư vấn Xây dựng Kiên Giang	274,954,000	274,954,000
Các đối tượng khác	774,438,835	1,195,262,593
Cộng	5,086,156,499	23,881,653,194

4. Phải thu khác

Công Đoàn Công ty API	217,760,000	217,760,000
Đối tượng khác chưa chi tiết	28,557,297	28,557,297
Bộ nông nghiệp Hoa Kỳ	2,157,032,572	2,103,446,172
Nguyễn Thị Hồng Thúy	-	2,222,131
Bảo hiểm xã hội Bình Dương	1,227,859	3,204,270
Đối tượng khác	3,473,052	170,820,686
Cộng	2,408,050,780	2,526,010,556

CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU XẠ AN PHÚ

Khu phố 1B, phường An Phú, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

5. Hàng tồn kho

Nguyên vật liệu chính	-	155,492,500
Nguyên vật liệu phụ	67,063,091	64,659,091
Phụ tùng thay thế	43,254,000	43,254,000
Công cụ, dụng cụ	135,586,570	323,083,398
Bao bì luân chuyển	127,353,601	449,149,583
Chi phí SXKD dở dang - Thanh Long	-	5,594,923
Chi phí SXKD dở dang - Xoài	-	5,156,874
Cộng	373,257,262	1,046,390,369

6. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Công cụ, dụng cụ	15,000,592	28,598,201
- Điện, nước, chi phí khác	106,271,243	60,962,948
- Cước internet	2,000,000	8,000,000
- Bảo hiểm tài sản	45,166,770	48,823,958
Cộng	168,438,605	146,385,107

7. Tài sản ngắn hạn khác

<i>Tạm ứng</i>	1,224,227,127	1,051,881,935
- Các nhân viên của Công ty CP Chiếu Xạ An Phú	734,275,434	684,052,797
- Các nhân viên của Công ty An Phú Bình Minh	489,951,693	367,829,138
<i>Ký quỹ ngắn hạn</i>	833,120,000	858,004,240
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	833,120,000	858,004,240
Cộng	2,057,347,127	1,909,886,175

CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU XẠ AN PHÚ

Khu phố 1B, phường An Phú, thị trấn Thuận An, tỉnh Bình Dương.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

8. Tài sản cố định hữu hình

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Nhà cửa vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải truyền dẫn</i>	<i>Dụng cụ quản lý</i>	<i>Cộng TSCĐ hữu hình</i>
I. Nguyên giá					
1. Số đầu năm	80,904,672,973	76,875,713,156	11,379,740,813	955,957,906	170,116,084,848
2. Tăng trong năm	-	4,315,162,000	-	42,318,181	4,357,480,181
- Do mua sắm	-	-	-	42,318,181	42,318,181
- Do đầu tư XD CB hoàn thành	-	4,315,162,000	-	-	4,315,162,000
3. Giảm trong năm	645,651,272	-	-	-	645,651,272
4. Số cuối năm	80,259,021,701	81,190,875,156	11,379,740,813	998,276,087	173,827,913,757
II. Hao mòn lũy kế					
1. Số đầu năm	13,561,442,591	23,521,918,007	1,589,136,250	371,233,386	39,043,730,234
2. Tăng trong năm	1,063,493,700	2,028,895,390	263,496,182	29,686,889	3,385,572,161
- Khấu hao trong kỳ	1,063,493,700	2,028,895,390	263,496,182	29,686,889	3,385,572,161
3. Giảm trong năm	-	-	-	-	-
4. Số cuối năm	14,624,936,291	25,550,813,397	1,852,632,432	400,920,275	42,429,302,395
III. Giá trị còn lại					
1. Số đầu năm	67,343,230,382	53,353,795,149	9,790,604,563	584,724,520	131,072,354,614
2. Số cuối năm	65,634,085,410	55,640,061,759	9,527,108,381	597,355,812	131,398,611,362
Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại thời điểm 31/3/2012	-	96.000.000	490.473.177	151.539.728	738.012.905

CÔNG TY CỔ PHẦN CHIỀU XẠ AN PHÚ

Khu phố 1B, phường An Phú, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

9. Tài sản cố định vô hình

Tình hình tăng giảm tài sản trong kỳ như sau:

	<i>Phần mềm Quản lý kho lạnh</i>	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Cộng TSCĐ vô hình</i>
I. Nguyên giá			
1. Số đầu năm	156,818,182	34,261,036,144	34,417,854,326
2. Tăng trong kỳ	-	-	-
- Do mua sắm	-	-	-
- Do đầu tư XD CB hoàn thành	-	-	-
3. Giảm trong kỳ	-	-	-
4. Số cuối kỳ	156,818,182	34,261,036,144	34,417,854,326
II. Hao mòn lũy kế			
1. Số đầu năm	37,722,745	1,712,758,964	1,750,481,709
2. Tăng trong kỳ	5,913,068	230,825,451	236,738,519
3. Giảm trong kỳ	-	-	-
4. Số cuối kỳ	43,635,813	1,943,584,415	1,987,220,228
III. Giá trị còn lại			
1. Số đầu năm	119,095,437	32,548,277,180	32,667,372,617
2. Số cuối kỳ	113,182,369	32,317,451,729	32,430,634,098

10. Chi phí xây dựng cơ bản

Gồm các hạng mục sửa chữa, cải tạo nhà máy tại Bình Dương:

Số đầu năm:	242.944.600 VND
Đầu tư thêm trong kỳ:	39.638.520 VND
Kết chuyển Tài sản cố định trong kỳ (*):	66.000.000 VND
Kết chuyển chi phí trả trước dài hạn:	0 VND
Số cuối năm:	216.583.120 VND

(*) Chi tiết TSCĐ tăng trong năm:

2. Máy móc thiết bị	66.000.000 VND
Cộng	66.000.000 VND

CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU XẠ AN PHÚ

Khu phố 1B, phường An Phú, thị trấn Thuận An, tỉnh Bình Dương.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

11. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguồn xạ	62,974,144,381	52,470,503,170
Chi phí chương trình chiếu xạ trái cây	1,128,109,067	1,289,267,504
Chi phí sửa chữa xe Grown	92,902,085	117,108,346
Chi phí sửa chữa nhà ăn, nhà vệ sinh	-	13,283,643
Chi phí sửa chữa cửa kho lạnh	8,333,323	13,333,324
Tiền thuê đất	13,940,716	14,546,833
Palet cho kho lạnh	22,666,653	40,541,655
Chi phí trước hoạt động dự Án APBM	2,952,845,690	3,155,400,855
Các chi phí khác	367,499,749	338,620,651
Cộng	<u>67,560,441,664</u>	<u>57,452,605,981</u>

12. Vay và nợ ngắn hạn

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Vay thêm trong năm</u>	<u>Thanh toán trong năm</u>	<u>Chênh lệch tỷ giá lãi cuối kỳ</u>	<u>Số cuối năm</u>
Vay ngắn hạn	11,969,752,813	12,481,888,748	11,332,300,000	(80,300,000)	13,199,641,561
Vay Ngân hàng Navibank (VND)	1,555,752,813	2,875,399,187	838,000,000		3,593,152,000
Vay Ngân hàng Navibank (USD)	-				-
Vay NH SHN (VND)	-				-
Vay NH SHN (USD)	10,414,000,000	9,606,489,561	10,494,300,000.00	(80,300,000)	9,606,489,561
				-	-
Nợ dài hạn đến hạn trả	13,579,529,898	-	-	-	13,579,529,898
Vay Ngân hàng Navibank (VND)	5,300,000,000			-	5,300,000,000
Vay Ngân hàng Navibank (USD)	8,279,529,898			-	8,279,529,898
				-	-
Cộng	<u>25,549,282,711</u>	<u>12,481,888,748</u>	<u>11,332,300,000</u>	<u>80,300,000</u>	<u>26,779,171,459</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU XẠ AN PHÚ

Khu phố 1B, phường An Phú, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Các khoản vay ngắn hạn để bổ sung vốn lưu động, cho hoạt động kinh doanh.

13. Phải trả người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty CP XD Cao Su đồng Nai	2,407,781,283	-
Cty TNHH Cơ điện lạnh Lê Quốc	1,516,219,584	-
Hungaroster co., Ltd	833,120,000	-
Cty TNHH TM DV Kỹ Thuật Mặt Trời	300,514,900	-
Công ty TNHH TM DV PCCC Thái Bình Thịnh	152,368,522	-
ECKERT - ZIEGLER NUCLITEC	64,045,800	64,045,800
Công ty CP Tân Tấn Lộc	55,786,500	133,170,400
Công ty TNHH Phan Hoàng Phát	49,960,000	119,920,000
Huỳnh Thị Thu Thủy	46,770,000	-
Công ty TNHH NVN	36,715,008	36,715,008
Công ty TNHH Kiểm Toán Tư Vấn đất Việt	35,200,000	-
Công ty TNHH TM DV KT P.S.L	32,661,420	32,858,232
Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Điện Toàn Thịnh Phát	28,220,249	328,220,249
DNTN xăng dầu Lai Uyên Hai	16,320,000	33,200,000
Các đối tượng khác	20,625,124	997,780,614
Phải trả người bán tại APBM	858,346,251	129,568,530
Cộng	<u>6,454,654,641</u>	<u>1,875,478,833</u>

14. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Trích trước chi phí đầu tư dự án An Phú Bình Minh theo dự toán	6,459,306,064	15.695.564.381
- Trích trước chi phí khác	17,190,000	17.190.000
Cộng	<u>6,476,496,064</u>	<u>15.712.754.381</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU XẠ AN PHÚ

Khu phố 1B, phường An Phú, thị trấn Thuận An, tỉnh Bình Dương.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

STT	Chỉ tiêu	Số còn phải nộp đầu năm	Phải nộp	Đã nộp	Số còn phải nộp cuối năm
I	Thuế	3,070,978,849	1,084,837,710	162,965,599	3,992,850,960
1	Thuế GTGT hàng bán nội địa	117,195,503.00	-	117,195,503	0
2	Thuế GTGT hàng nhập khẩu	1,444,806.00	1,444,806	-	-
3	Thuế xuất nhập khẩu	-	-	-	-
4	Thuế thu nhập doanh nghiệp	2,574,156,944	972,136,390	-	3,546,293,334
5	Các loại thuế khác	381,071,208	111,256,514	45,770,096	446,557,626
	- Thuế Thu nhập cá nhân	381,071,208	105,256,514	39,770,096	446,557,626
	- Thuế môn bài	-	6,000,000	6,000,000	-
II	Các khoản phải nộp khác	10,197,991	-	-	10,197,991
	Các khoản phí, lệ phí	10,197,991	-	-	10,197,991
	Tổng cộng	3,081,176,840	1,084,837,710	162,965,599	4,003,048,951

- Thuế giá trị gia tăng**

- Công ty áp dụng Luật Thuế Giá trị gia tăng theo quy định hiện hành
- Phương pháp tính thuế : Phương pháp khấu trừ
- Thuế suất áp dụng:
 - + Doanh thu hàng xuất khẩu : 0 %
 - + Doanh thu dịch vụ xử lý hàng nông, lâm thủy hải sản chưa qua sơ chế : 5%
 - + Doanh thu hàng hóa, dịch vụ khác : 10%

CÔNG TY CỔ PHẦN CHIỀU XẠ AN PHÚ

Khu phố 1B, phường An Phú, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

- Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Xem thuyết minh số (V.14)

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

Chỉ tiêu	Công ty con	Công ty mẹ	Tổng hợp
Tổng Lợi nhuận kế toán trước thuế	(2,410,705,088)	4,860,681,950	2,449,976,862
- Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định thu nhập chịu thuế			
- Tổng thu nhập chịu thuế			
Trong đó:			
+ Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chính	(2,382,361,988)	4,893,322,123	2,510,960,135
+ Thu nhập từ Thu nhập khác lỗ nên bù trừ vào hoạt động chính	(28,343,100)	(32,640,173)	(60,983,273)
Thuế thu nhập doanh nghiệp Theo thuế suất phổ thông	-	972,136,390	972,136,390
- Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	972,136,390	972,136,390

- Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo quy định hiện hành.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm soát của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

16. Phải trả người lao động

Lương, phụ cấp tháng 3 năm 2012 phải trả cho người lao động, BKS.

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Tại Công ty mẹ	1.040.882.685	2.994.461.535
- Tại Công ty con	433.818.809	394.974.773
Cộng	1.474.701.494	3.389.436.308

CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU XẠ AN PHÚ

Khu phố 1B, phường An Phú, thị trấn Thuận An, tỉnh Bình Dương.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

17. Phải trả, phải nộp khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	127,152,068	148,158,098
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	316,884,351	539,765,210
Chia cổ tức năm 2009	56,395,625	41,490,000
Chia cổ tức năm 2010	104,000	(9,641,000)
Thù lao HDQT	164,194,091	164,194,091
Trần Văn Ngoan	50,000,000	50,000,000
Công ty TNHH MTV An Phú Bình Minh - Cty con	24,753,406	24,753,406
Công ty CP Chế Biến Thủy Hải Sản Sơn Sơn	0	91,830,435
Ngô Văn Lý	150,000,000	
Các đối tượng khác	15,116,456	151,604,477
Cộng	904,599,997	1,202,154,717

18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Chi quỹ trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
- Quỹ khen thưởng	1,633,559,904	-	1,027,526,153	606,033,751
- Quỹ phúc lợi	587,691,257	-	32,333,348	555,357,909
- Quỹ thưởng ban điều hành quản lý	413,224	-	-	413,224
Cộng	2,221,664,385	0	1,059,859,501	1,161,804,884

19. Vay và nợ dài hạn

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Vay thêm trong năm</u>	<u>Thanh toán trong năm</u>	<u>Nợ dài hạn đến hạn trả</u>	<u>Số cuối năm</u>
Vay Ngân hàng Navibank (VND)	28,699,900,000		-	-	28,699,900,000
Vay Ngân hàng Navibank (USD)	39,269,461,110	100,000	-	-	39,269,561,110
Cộng	67,969,361,110	100,000	-	-	67,969,461,110

Các khoản vay dài hạn chi tiết như sau:

- *Hợp đồng vay* : Số 007/10/HDTD/101-54 ngày 12 tháng 10 năm 2010
 - + Hạn mức vay : 40.000.000.000 VND
 - + Lãi vay : 17%/năm
 - + Thời hạn vay : 72 tháng

CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU XẠ AN PHÚ

Khu phố 1B, phường An Phú, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

- + Ngày trả nợ gốc đầu tiên: 25/22/1011, mỗi kỳ trả 4.000.000.000 tỷ, 6 tháng/ 1 kỳ
- + Mục đích vay : Thanh toán tiền thuê đất tại KCN Bình Minh tỉnh Vĩnh Long.
- + Tài sản đảm bảo : Quyền sử dụng đất lô 1C-2C KCN Bình Minh tỉnh Vĩnh Long.
- *Hợp đồng vay* : *HD 027/10/HDTD/101-54 ngày 04 tháng 07 năm 2011*
 - + Hạn mức vay : 1.282.000 USD
 - + Lãi vay : 6,5%/năm
 - + Thời hạn vay : 72 tháng
 - + Ngày trả nợ gốc đầu tiên: 04/07/2012, mỗi kỳ trả 128.200 USD, 6 tháng/ 1 kỳ
 - + Mục đích vay : Thanh toán tiền nhập khẩu máy chiếu xạ.
 - + Tài sản đảm bảo : Bảo đảm bằng tài sản hình thành từ vốn vay.
- *Hợp đồng vay* : *HD 004/11/HDTD/101-54 ngày 07 tháng 01 năm 2011*
 - + Hạn mức vay : 410.260 USD
 - + Lãi vay : 6,5%/năm
 - + Thời hạn vay : 72 tháng
 - + Ngày trả nợ gốc đầu tiên: 07/07/2011, mỗi kỳ trả 41.025,6 USD, 6 tháng/ 1 kỳ
 - + Mục đích vay : Mua sắm Máy móc thiết bị.
 - + Tài sản đảm bảo : Bảo đảm bằng tài sản hình thành từ vốn vay.
- *Hợp đồng vay* : *HD 036/11/HDTD/101-54 ngày 22 tháng 04 năm 2011*
 - + Số tiền vay : 463.080,00 USD
 - + Lãi vay : 6,5%/năm
 - + Thời hạn vay : 72 tháng
 - + Mục đích vay : Mua sắm Máy móc thiết bị.
 - + Tài sản đảm bảo : Bảo đảm bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

20. Dự phòng trợ cấp mất việc làm

- Số dư đầu năm		37,292,696
- Số trích lập trong kỳ	0	
- Số chi trong kỳ	1,526,000	
Số cuối kỳ	35,766,696	

CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU XẠ AN PHÚ
 Khu phố 1B, phường An Phú, thị trấn Thuận An, tỉnh Bình Dương.
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

21. Nguồn vốn chủ sở hữu

Năm trước	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	114,480,000,000	(59,000,000)	-	5,546,952,146	3,722,282,579	413,224	22,916,580,352	146,607,228,301
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận tăng trong năm trước	-	-	-	-	-	-	34,554,166,945	34,554,166,945
Tăng khác	-	(15,000,000)	-	-	-	-	-	(15,000,000)
Phân phối lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	-	-	(2,593,023,232)	(2,593,023,232)
Chia cổ tức trong năm trước	-	-	-	-	-	-	(22,881,200,000)	(22,881,200,000)
Chi quỹ trong năm trước	-	-	-	-	-	-	(563,982,553)	(563,982,553)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	(171,307,603)	(171,307,603)
Tổng cộng	114,480,000,000	- 74,000,000	-	5,546,952,146	3,722,282,579	413,224	31,261,233,909	154,936,881,858
Năm nay								
Số dư đầu năm nay	114,480,000,000	(74,000,000)	-	5,546,952,146	3,722,282,579	413,224	31,261,233,909	154,936,881,858
Tăng vốn trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	-	-	-	1,477,840,472	1,477,840,472
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-	-
Trích lập quỹ trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	-	-	-	(3,000,000)	(3,000,000)
Chi quỹ trong năm	-	-	-	-	-	-	(108,000,000)	(108,000,000)
Tổng cộng	114,480,000,000	- 74,000,000	-	5,546,952,146	3,722,282,579	413,224	32,628,074,381	156,303,722,330

CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU XẠ AN PHÚ

Khu phố 1B, phường An Phú, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Vốn đầu tư của Nhà Nước	-	-
- Vốn góp của các cổ đông khác	114.480.000.000	114.480.000.000
Cộng	114.480.000.000	114.480.000.000

Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	-	-
+ Vốn góp đầu năm	114.480.000.000	114.480.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	114.480.000.000	114.480.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	3.000.000	22.881.200.000

Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	11.448.000	11.448.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	11.448.000	11.448.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>11.448.000</i>	<i>11.448.000</i>
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	7.400	7.400
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>7.400</i>	<i>7.400</i>
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	11.440.600	11.440.600
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>11.440.600</i>	<i>11.440.600</i>
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU XẠ AN PHÚ
 Khu phố 1B, phường An Phú, thị trấn Thuận An, tỉnh Bình Dương.
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	Quý I năm 2012	Quý I năm 2011	Năm 2012	Năm 2011
	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này			
22 - Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (Mã số 01)	24,019,056,627	30,448,427,942	24,019,056,627	30,448,427,942
Trong đó:				
- Doanh thu dịch vụ chiếu xạ	16,651,535,166	11,124,236,795	16,651,535,166	11,124,236,795
- Doanh thu dịch vụ cho thuê kho lạnh	1,408,787,214	611,012,803	1,408,787,214	611,012,803
- Doanh thu dịch vụ bốc xếp	494,881,521	358,259,843	494,881,521	358,259,843
- Doanh thu cho thuê tài sản và doanh thu khác	25,359,161	-	25,359,161	-
- Doanh thu bán lại vật tư hàng hóa	211,280,340	-	211,280,340	-
- Doanh thu bán thanh long	5,227,213,225	18,354,918,501	5,227,213,225	18,354,918,501
<i>Trong đó: Xuất khẩu trực tiếp (*)</i>	532,749,690	18,354,918,501	532,749,690	18,354,918,501
				-
(*) Doanh thu xuất khẩu thanh long bằng ngoại tệ USD	250,916	896,877	250,916	896,877

CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU XẠ AN PHÚ

Khu phố 1B, phường An Phú, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

	Quý I năm 2012	Quý I năm 2011	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này Năm 2012	Năm 2011
23 - Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (Mã số 10)	24,019,056,627	30,448,427,942	24,019,056,627	30,448,427,942

Trong đó:

- Doanh thu thuần trao đổi sản phẩm, hàng hoá
- Doanh thu thuần trao đổi dịch vụ

Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này

	Quý I năm 2012	Quý I năm 2011	Năm 2012	Năm 2011
24 - Giá vốn hàng bán (Mã số 11)				
- Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm đã bán	2,797,481,956	9,850,949,555	2,797,481,956	9,850,949,555
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	10,520,631,143	5,152,647,958	10,520,631,143	5,152,647,958
Tổng cộng	13,318,113,099	15,003,597,513	13,318,113,099	15,003,597,513

Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này

	Quý I năm 2012	Quý I năm 2011	Năm 2012	Năm 2011
25 - Doanh thu hoạt động tài chính (Mã số 21)				
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	51,682,253	73,873,527	51,682,253	73,873,527
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	9,031,253	3,183,227,182	9,031,253	3,183,227,182
Tổng cộng	60,713,506	3,257,100,709	60,713,506	3,257,100,709

CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU XẠ AN PHÚ
Khu phố 1B, phường An Phú, thị trấn Thuận An, tỉnh Bình Dương.
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

26 - Chi phí tài chính (Mã số 22)

	Quý I năm 2012	Quý I năm 2011	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này Năm 2012	Năm 2011
- Lãi tiền vay	3,176,602,385	-	3,176,602,385	-
- Lỗ do bán ngoại tệ	36,786,255	33,000	36,786,255	33,000
- Chi phí tài chính khác	38,660,746	28,249,800	38,660,746	28,249,800
Tổng cộng	3,252,049,386	28,282,800	3,252,049,386	28,282,800

27 - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (Mã số 51)

	Quý I năm 2012	Quý I năm 2011	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này Năm 2012	Năm 2011
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	972,136,390	1,652,570,077	972,136,390	1,652,570,077
Tổng cộng	972,136,390	1,652,570,077	972,136,390	1,652,570,077

28 - Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Quý I năm 2012	Quý I năm 2011	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này Năm 2012	Năm 2011
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2,858,151,009	8,903,956,285	2,858,151,009	8,903,956,285
- Chi phí nhân công	3,532,493,732	2,309,851,323	3,532,493,732	2,309,851,323
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	3,592,168,519	1,835,982,447	3,592,168,519	1,835,982,447
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	9,030,091,584	6,135,574,464	9,030,091,584	6,135,574,464
- Chi phí khác bằng tiền	2,905,509,255	3,190,862,314	2,905,509,255	3,190,862,314
Tổng cộng	21,918,414,099	22,376,226,833	21,918,414,099	22,376,226,833

CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU XẠ AN PHÚ

Khu phố 1B, phường An Phú, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

	Quý I năm 2012	Quý I năm 2011	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này
29 - Lãi cơ bản trên cổ phiếu:			Năm 2012 Năm 2011
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	1,477,840,472	10,023,370,563	1,477,840,472 10,023,370,563
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông			
+ Các khoản điều chỉnh tăng			
+ Các khoản điều chỉnh giảm			
- Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông			
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	11,440,600	11,442,100	11,440,600 11,442,100
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu	129	876	129 876

CÔNG TY CỔ PHẦN CHIỀU XẠ AN PHÚ

Khu phố 1B, phường An Phú, thị trấn Thuận An, tỉnh Bình Dương.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

VIII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Không có thông tin bổ sung

IX. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin so sánh

- Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 đã được kiểm toán bởi Công ty Kiểm toán Đất Việt. Một số chỉ tiêu số đầu năm 2012 đã được phân loại lại cho phù hợp.

2. Báo cáo bộ phận

Chỉ tiêu	Bình Dương	Bình Minh	Loại trừ	Tổng cộng toàn DN
1. Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	22,496,268,230	10,774,869,637	(9,252,081,240)	24,019,056,627
2. Tài sản bộ phận	163,366,157,751	679,670,829	-	164,045,828,580
3. Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCD (theo vị trí của tài sản)	3,685,467,429	-	-	3,685,467,429

3. Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát thực trạng tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty

Chỉ tiêu	DVT	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn			
Cơ cấu tài sản			
Tài sản ngắn hạn/Tổng số tài sản	%	14.62	19.66
Tài sản dài hạn/Tổng số tài sản	%	85.38	80.34
Cơ cấu nguồn vốn			
Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn	%	42.45 57.55	43.86
Nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn	%		56.14
Khả năng thanh toán			
Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	2.36	2.28
Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	0.84	1.02
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0.12	0.09
Tỷ suất sinh lời			
Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần	%	10.20	38.35

CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU XẠ AN PHÚ

Khu phố 1B, phường An Phú, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Chỉ tiêu	ĐVT	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	%	6.15	32.92
Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	%	0.01	0.02
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	%	0.01	0.01
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên nguồn vốn chủ sở hữu	%		
Lợi nhuận sau thuế/ Nguồn vốn chủ sở hữu		0.01	0.01

Bình Dương, ngày 12 tháng 5 năm 2012



Vương Đình Khoát
Tổng Giám đốc

Nguyễn Đắc Đoàn
Kế toán trưởng